

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thuê đất nông nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt tại Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai,

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 158/TTr-TNMT ngày 14 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho 22 hộ gia đình, cá nhân - thường trú tại phường An Bình, xã Thành An, thị xã An Khê và xã Tân An, xã Cư An, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ đang xâm canh tại xã Cư An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích: 185.763,4m² đất (Một trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi ba phẩy bốn mét vuông) tại xã Cư An, huyện Đak Pơ (có danh sách kèm theo).

Thời hạn thuê đất là: 50 năm;

Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm;

Giá đất, tiền thuê đất phải nộp: Tính theo giá đất của UBND tỉnh quy định (Đơn giá thuê đất do Chi cục thuế huyện Đak Pơ thực hiện).

Điều 2. Giao phòng Tài nguyên và Môi Trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Đak Pơ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Ký hợp đồng thuê đất với người được thuê đất có tên tại Điều 1;

Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa.

2. Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Đak Pơ.

Thông báo cho người được thuê đất nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

Lập và quản lý hồ sơ địa chính theo quy định;

Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Đak Pơ, Chi cục thuế, Chủ tịch UBND xã Cư An và người có tên theo danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng HĐND và UBND huyện Đak Pơ chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên công thông tin điện tử của huyện Đak Pơ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Huỳnh Văn Hơn

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THUÊ ĐẤT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Tại: xã Cư An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số: **509/QĐ-UBND**, ngày **29** tháng **12** năm 2017 của UBND huyện Đak Pơ)

STT	Thông tin chủ sử dụng				Số tờ bản đồ	Số thửa	Mục đích sử dụng (m2)		Số Giấy
	TT	Họ và tên chồng	Họ và tên vợ	Địa chỉ thường trú			NHK	LUK	
1	1	Nguyễn Thanh Hải	Trần Thị Tiếng	Tân Lập, xã Tân An	55	4	2007,2		1
2	2	Nguyễn Kim Phụng	Lê Thị Hoa	An Cư, xã Cư An	60	29, 34		1915,0	2
3					60	35	3843,3		
4	3	Trần Bá Dương	Phan Thị Hương	Tân Hòa, xã Tân An	61	21	946,5		4
5					61	32	9097,5		
6					61	31	2052,4		
7					61	29	2011,7		
8	4	Phan Văn Tiêm	Nguyễn Thị Kim Liên	Tân Hòa, xã Tân An	60	79	7688,4		1
9	5	Phan Thành Đức	Lê Thị Bích Lan	Tân Hòa, xã Tân An	60	110	1320,8		1
10	6	Nguyễn Thọ Công	Nguyễn Thị Thêu	TDP 2, TT. Đak Pơ	59	46	4952,5		3
11					59	48	7139,6		
12					59	58	1824,5		
13	7	Nguyễn Văn Giàu	Thái Thị Thùy Dung	An Định, xã Cư An	62	38	5381,1		1
14	8	Trần Văn Quốc	Đặng Thị Song	TDP 2, TT. Đak Pơ	59	45	3298,4		1
15	9	Nguyễn Văn Thái	Lê Thị Sen	Tân Định, xã Tân An	60	112	1509,1		1
16	10	Nguyễn Văn Trầm	Nguyễn Thị Tánh	An Định, xã Cư An	61	58	15064,8		1
17	11	Nguyễn Hải	Mai Thị Nghĩa	Tân Hòa, xã Tân An	61	61	2368,0		1
18	12	Trần Văn Phường	Đinh Thị Dung	TDP 2, TT. Đak Pơ	54	42	5231,6		1
19	13	Phạm Đăng Ninh	Huỳnh Thị Thanh	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	36	2733,1		1
20	14	Nguyễn Thanh Sơn	Nguyễn Thị Bích Lan	Tân Lập, xã Tân An	56	10	12804,4		3
21					55	3	5797,4		
22					55	11	2535,9		
23	15	Nguyễn Thanh Hùng	Trần Thị Ánh Nguyệt	P. An Bình, TX. An Khê	56	4	6635,7		1



24				54	3	4651,8			
25	16	Đinh Mui	Đinh Thị Sanh	Làng Leng Tô, TT. Dak Pơ	54	4,7	LUK	355,5	3
26					54	13	12599,4		
27	17	HNôi	Đinh Thị Nách	Làng Leng Tô, TT. Dak Pơ	54	16	5312,3		1
28					58	3	7528,4		
29	18	Nguyễn Văn Phúc	Đường Thị Kim Phương	xã Thành An, TX. An Khê	58	4	5704,4		3
30					58	11	4656,4		
31					58	63		551,8	
32	19	Lê Hồng Xuân	Trần Thị Phương Vân	Hiệp Phú, xã Cư An	58	70	2221,5		3
33					58	59,64		1881,9	
34	20	Đường Hữu Hiền	Huỳnh Thị Thu Quyên	xã Thành An, TX. An Khê	58	75	10941,6		1
35	21	Nguyễn Đình Sở	Nguyễn Thị Đức	xã Thành An, TX. An Khê	53	12	6928,4		1
36					57	54	6732,5		
37	22	Nguyễn Văn Qua	Thái Thị Bay	xã Thành An, TX. An Khê	57	59	7538,6		2
	Tổng cộng						181059,2	4704,2	

Tổng số hộ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất: 22 hộ

Tổng số hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất: 37 giấy

Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác: 185.763,4 m².

Trong đó: Đất trồng cây hàng năm khác: 181.059,2 m²

Đất lúa nước còn lại: 4.704,2 m²